

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG MÊ KÔNG XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN MEKONG ENVIRONMENT - CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY MÊ KÔNG XANH

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101626802

**3. Ngày thành lập:** 28/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

1549 Quang Trung, Khu phố Tài Lương 4, Phường Hoài Thanh Tây, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0908 505 968

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                    | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình.                                                    | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                           | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                       | 4610     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                       | 4649     |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                  | 4663     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu                                                                                        | 4669     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                | 8230     |
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu                                                                                                     | 8559     |
| 10. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý). | 6619     |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).                                                                    | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng); - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. - thiết kế xử lý nước thải công trình xây dựng - Thẩm tra thiết kế xử lý nước thải công trình xây dựng - Thiết kế xử lý nước thải, chất thải công trình dân dụng và công nghiệp. - Thẩm tra Thiết kế xử lý nước thải, chất thải công trình dân dụng và công nghiệp. - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy. Tư vấn giám sát về phòng cháy chữa cháy. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ( xử lý nước thải). Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ( xử lý nước thải). Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng. - Thiết kế quy hoạch xây dựng. Giám sát thi công xây dựng công trình. Giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình. Thiết kế xây dựng công trình. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình. | 7110        |
| 13. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7120        |
| 14. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn chuyển giao công nghệ; - Tư vấn, đánh giá rủi ro cho các dự án, công trình và các hoạt động liên quan (trừ thanh toán hồi phiếu, thông tin tỉ lệ lượng và tư vấn chứng khoán).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7490(Chính) |
| 15. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8219        |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Khoan giếng, trám lấp giếng; Xây dựng công trình cấp, thoát nước khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4222        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299        |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; hệ thống phòng cháy chữa cháy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/11/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051086003079

Ngày cấp: 08/09/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: A5/6 Tổ 14, Kp 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 1549 Quang Trung, Khu phố Tài Lương 4, Phường Hoài Thanh Tây, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/11/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051086003079

Ngày cấp: 08/09/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: A5/6 Tổ 14, Kp 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 1549 Quang Trung, Khu phố Tài Lương 4, Phường Hoài Thanh Tây, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định